

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 110/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Trần Thị Trâm A, sinh năm 1995; địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị và anh Hồng Văn H, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ 23, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành các đương sự yêu cầu Tòa án công nhận:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Trâm A và anh Hồng Văn H.

- *Về con chung:* Giao cháu Hồng Trần Quang B, sinh ngày 09/8/2019 cho chị Trần Thị Trâm A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Hồng Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Quang B hàng tháng, mỗi tháng 3.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi cháu Quang B thành niên và có khả năng tự lao động.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về lệ phí:* Chị Trần Thị Trâm A và anh Hồng Văn H chịu toàn bộ lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét thấy, các đương sự đã thực sự ly hôn và thỏa thuận được với nhau giải quyết việc hôn nhân và gia đình; nội dung các đương sự đã thỏa thuận và yêu cầu Tòa án công nhận được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 26/5/2022, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không

thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Trâm A và anh Hồng Văn H (*Đăng ký kết hôn ngày 17/6/2019 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng*).

- **Về con chung:** Giao cháu Hồng Trần Quang B, sinh ngày 09/8/2019 cho chị Trần Thị Trâm A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Hồng Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Quang B hàng tháng, mỗi tháng 3.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi cháu Quang B thành niên và có khả năng tự lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về lệ phí Tòa án:** Chị Trần Thị Trâm A và anh Hồng Văn H phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: CC/2021/0000262 ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Chị Trần Thị Trâm A và anh Hồng Văn H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- Chi cục THADS TP. Đông Hà;
- UBND P.H, quận N;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

### THẨM PHÁN

Tạ Minh Khôi